TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức
2. Ông Nguyễn Thành Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về việc "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thu L,** sinh năm 1972.
Địa chỉ: ấp Trung Phú 1, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P,** sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp Trung Phú 1, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thu L trình bày: Chị L và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và đã có 02 con chung. Tuy nhiên đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh P không lo cho gia đình, không chịu đi làm, chị L muốn anh P lên Thành phố sống chung nhưng anh P cũng không chịu lên sống chung với chị L, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hay cự cãi. Vợ chồng đã không sống chung từ năm 2014 cho đến nay, đã không còn tình cảm với anh P, không thể hàn gắn và kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về quan hệ con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hoài N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Tường V, sinh 23/9/2012 đang sống với chị L. Sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi con V và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh P và chị L chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và đã có 02 con chung. Tuy nhiên đến năm 2014 thì chị L đi Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Nguyên nhân là do kinh tế có khó khăn nhưng vợ chồng vẫn tới lui mâu thuẫn không lớn. Vợ chồng đã không sống chung từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh P thì không đồng ý ly hôn vì còn thương chị L, yêu cầu được hàn gắn.

Về quan hệ con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hoài N, sinh năm 1992 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Tường V, sinh 23/9/2012 đang sống với chị L. Sau khi ly hôn yêu cầu nuôi cháu V và không cần cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thu L làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P, có địa chỉ cư trú: ấp Trung Phú 1, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]Về nội dung: Chị Huỳnh Thu L và anh Nguyễn Văn P sống chung với nhau năm 1990 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Huỳnh Thu L, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị L và anh P chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Thời gian gần đây, đã xảy ra mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cự cãi, lý do bất đồng quan điểm sống, anh P không lo cho gia đình, không chịu đi làm, chị L muốn anh P lên Thành phố sống chung nhưng anh P cũng không chịu lên sống chung với chị L, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hay cự cãi. Vợ chồng đã không sống chung từ năm

2014 cho đến nay, đã không còn tình cảm với anh P, không thể hàn gắn và kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P, nhưng anh P cho rằng vẫn còn tình cảm và thương chị L nên không đồng ý ly hôn với chị L. Tuy nhiên quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, đã tạo điều kiện cho chị L và anh P hàn gắn nhưng cả hai không có biện pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa xét xử anh P cũng đưa ra được biện pháp hàn gắn tích cực, điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hoài N, sinh năm 1992 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Tường V, sinh 23/9/2012 đang sống với chị L. Sau khi ly hôn yêu cầu nuôi cháu V và không cần cấp dưỡng. Anh P cũng yêu cầu nuôi cháu Vy và không cần cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi chị L và anh P không còn sống chung thì con chung do chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, cuộc sống đã thích nghi với môi trường sống hiện tại và quyền lợi mọi mặt của cháu được đảm bảo. Mặt khác cháu V có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn muốn sống chung với chị L. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh P mà cần chấp nhận cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L phải tạo điều kiện cho anh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chu**n**g: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Ghi nhận chị L và anh P xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị L và anh P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thu L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thu L được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2013ngày 30/1/2013 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thu L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Tường V, sinh 23/9/2012 anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ghi nhận chị L và anh P xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ sống chung thì chị L và anh P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí**:** Chị Huỳnh Thu L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000914 ngày 25/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hằng